

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**
Số: *06* /2019/TB/VNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG
KHOẢN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN HÀ NỘI**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics)

Mã chứng khoán: VNT

Trụ sở chính : Số 2 Bích Câu, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP.Hà nội

Điện thoại : (84-24) 37321090

Fax : (84-24) 37321083

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trương Thị Nhung

Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3732 1090 – Số máy lẻ 203

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Đồng thời Công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/03/2019 theo đường dẫn: <http://vntlogistics.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm/

-BCKiT số 19.147/BCKT-RSM HCM

-BCKiT số 19.147 HN/BCKT-RSM HCM

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI
NGOẠI THƯƠNG**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lorain Công Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 37



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Lương Ngọc Bảo	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Bùi Ngọc Loan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trương Thị Nhung	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Nguyễn Quốc Thiên Kim	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Dương Minh Châu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

3528
G T
PHÂN
N VÀ
THỨC
I-TP

Số: 19.147 HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		355.717.235.144	497.814.823.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	72.840.339.873	28.675.464.707
1. Tiền	111		51.814.918.713	24.163.473.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.025.421.160	4.511.990.951
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	56.275.000.000	9.525.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		11.275.000.000	9.525.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		45.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.984.838.080	458.553.718.866
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	152.351.000.029	174.517.171.171
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	11.952.990.955	7.915.340.324
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	65.397.252.503	279.593.122.710
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.716.405.407)	(3.971.915.339)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		617.057.191	1.060.640.075
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	617.057.191	1.060.640.075
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		218.079.239.010	214.331.748.213
I. Tài sản cố định	220		50.505.963.765	57.222.400.847
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	49.304.616.695	55.813.480.533
Nguyên giá	222		105.628.722.107	105.859.402.773
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.324.105.412)	(50.045.922.240)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.201.347.070	1.408.920.314
Nguyên giá	228		3.466.588.786	3.466.588.786
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.265.241.716)	(2.057.668.472)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		147.239.000	69.339.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		147.239.000	69.339.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	165.505.889.302	156.818.200.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		150.767.689.302	150.780.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.038.200.000	6.038.200.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		700.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.920.146.943	221.808.366
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.920.146.943	221.808.366
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		573.796.474.154	712.146.571.861

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		352.225.826.827	561.016.028.007
I. Nợ ngắn hạn	310		352.225.826.827	488.844.349.714
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	124.119.683.451	162.820.925.880
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.793.553.371	917.793.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	3.355.388.323	8.034.911.736
4. Phải trả người lao động	314		900.000.000	1.495.596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		466.284.489	3.111.023.458
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	8.162.522.541	5.031.827.765
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	213.428.394.652	308.926.371.887
II. Nợ dài hạn	330		-	72.171.678.293
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	-	435.408.000
2. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	71.736.270.293
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		221.570.647.327	151.130.543.854
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14.1	221.570.647.327	151.130.543.854
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119.490.050.000	85.852.900.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.490.050.000	85.852.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		45.544.394.511	2.379.300.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	585.526.956
4. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.14.6	9.400.293.842	9.400.293.842
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.14.6	10.000.000.000	9.000.000.000
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.953.117.056	44.729.731.138
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		29.905.433.516	17.176.358.458
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.047.683.540	27.553.372.680
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		573.796.474.154	712.146.571.861



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.027.650.408.312	898.272.728.939
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.027.650.408.312	898.272.728.939
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	969.625.292.745	867.680.903.348
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.025.115.567	30.591.825.591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7.830.451.745	69.148.030.338
7. Chi phí tài chính	22	5.4	25.625.727.493	23.984.177.995
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		23.855.992.541	22.912.476.203
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(12.310.698)	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	30.444.686.868	40.606.424.696
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.772.842.253	35.149.253.238
12. Thu nhập khác	31		488.761.288	657.751.779
13. Chi phí khác	32		121.196.551	273.616.262
14. Lợi nhuận khác	40		367.564.737	384.135.517
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.140.406.990	35.533.388.755
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.914.139.050	7.407.794.308
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.226.267.940	28.125.594.447
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.226.267.940	28.125.594.447
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.3	739	2.803
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	739	2.669



Phê duyệt

Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.140.406.990	35.533.388.755
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	7.744.720.323	8.305.273.012
Các khoản dự phòng	03		(255.509.932)	978.270.704
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		238.663.034	99.871.615
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.893.518.478)	(67.891.892.702)
Chi phí lãi vay	06	5.4	23.855.992.541	22.912.476.203
3. Lợi nhuận từ hoạt động	08		35.830.754.478	(62.612.413)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		103.973.221.121	58.091.837.452
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(50.576.305.135)	(5.381.960.459)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.698.338.577)	497.693.341
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.750.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.300.914.474)	(21.831.185.803)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.646.738.815)	(3.024.654.540)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.294.477.780)	(3.858.777.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.537.200.818	24.430.339.795
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.106.183.241)	(602.197.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		197.845.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(45.700.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	(198.274.200.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		145.700.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.707.983.721	3.541.892.702
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		96.799.645.935	(195.334.504.661)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.261.150.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.2	683.797.256.730	619.931.308.905
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.3	(779.730.641.965)	(445.398.341.164)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.429.732.500)	(8.547.596.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(105.101.967.735)	165.985.371.591
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		44.234.879.018	(4.918.793.275)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		28.675.464.707	33.626.631.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(70.003.852)	(32.373.991)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	72.840.339.873	28.675.464.707



Phê duyệt

Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2018

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Tải Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2018.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009 Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 119.490.050.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	29.615.000.000	24,78%	19.800.000.000	23,06%
Lionas Fund Co.,LTD	Nhật Bản	17.136.000.000	14,34%	-	-
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Việt Nam	12.240.000.000	10,24%	-	-
Công ty cổ phần Transimex	Việt Nam	11.490.000.000	9,62%	4.325.000.000	5,04%
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Tải Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	9.000.000.000	7,53%	9.000.000.000	10,48%
Các đối tượng khác		40.009.050.000	33,48%	52.727.900.000	61,42%
Cộng		119.490.050.000	100%	85.852.900.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 là chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ tại số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 393 (31/12/2017 là: 390).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Giao nhận, tiếp vận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
 - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
 - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
 - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
 - + Đại lý tàu biển;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
 - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
 - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu;
 - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải;
 - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Công ty con được hợp nhất

Là Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 100%. Trụ sở của công ty con được đặt tại số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.6. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Là Công ty Cổ phần Cảng Mippec với tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 30%. Trụ sở của công ty liên kết được đặt tại Bán đảo Đĩnh Vú - Khu KT Đĩnh Vú Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và công ty mẹ.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế

Lãi suất thực tế (hay còn gọi là lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền đối với các khoản mục được ghi nhận theo giá trị hiện tại, giá trị phân bổ, giá trị thu hồi được xác định theo lãi suất ngân hàng thương mại.

Lý do lựa chọn lãi suất thực tế: lãi suất thực tế được dùng để chiết khấu dòng tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trong tương lai về hiện tại nhằm xác định giá trị của trái phiếu và giá trị quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu khi đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.5. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 phố Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại Số 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

3.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	6.326.983.384	3.553.283.873
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.487.935.329	20.610.189.883
Các khoản tương đương tiền	21.025.421.160	4.511.990.951
Cộng	72.840.339.873	28.675.464.707

Trong đó giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn là tương đương tiền dùng để đảm bảo cho các khoản vay là 15.757.475.000 VND – Xem thêm mục 4.12.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư cổ phiếu:				
Cổ phiếu Công ty CP Logistics Vinalink	6.900.000.000	7.886.424.000	6.900.000.000	9.908.584.000
Cổ phiếu Công ty CP Vinafreight	4.375.000.000	6.037.500.000	2.625.000.000	9.625.000.000
Cộng	11.275.000.000	13.923.924.000	9.525.000.000	19.533.584.000

Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Logistics Vinalink và Công ty CP Vinafreight trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-
Dài hạn:				
Trái phiếu	700.000.000	700.000.000	-	-

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 5,5% - 6,0%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	150.780.000.000	150.767.689.302	150.780.000.000	150.780.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	2.260.000.000	-	2.260.000.000	(**)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	11.778.200.000	-	3.778.200.000	(**)
Cộng	14.038.200.000	-	6.038.200.000	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam	2.260.000.000	-	2.260.000.000	(**)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long	11.778.200.000	-	3.778.200.000	(**)
Cộng	14.038.200.000	-	6.038.200.000	-

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

(**) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trinity Logistics (H.K.) Co., Ltd	8.458.102.027	30.245.545.527
Các khách hàng khác	143.892.898.002	144.271.625.644
Cộng	152.351.000.029	174.517.171.171

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Regional Container Lines Public Company	6.793.856.326	4.532.293.172
Các nhà cung cấp khác	5.159.134.629	3.383.047.152
Cộng	11.952.990.955	7.915.340.324

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Cảng Mipec cho Công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	4.050.000.000	-	138.250.000.000	-
Phải thu do trả hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương và mua cổ phần Công ty CP Cảng Mipec	39.286.000.000	-	50.786.000.000	-
Ký quỹ	11.250.460.000	-	74.783.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.104.652.048	-	12.340.536.367	-
Phải thu khác	6.366.205.905	-	2.398.267.369	-
Tạm ứng cho bên liên quan – Xem thêm mục 7	339.934.550	-	1.035.318.974	-
Cộng	65.397.252.503	-	279.593.122.710	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		Thời gian quá hạn		Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Chế tạo Thiết bị và Đóng tàu Hải Phòng	1.115.620.730	-	1.115.620.730	-
Công ty Cổ phần Giao nhận DMG - Hà Nội	1.076.916.344	-	1.076.916.344	226.157.589
Các khách hàng khác	1.921.489.525	397.621.192	3.104.433.476	1.098.897.622
Cộng	4.114.026.599	397.621.192	5.296.970.550	1.325.055.211

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	52.238.473.439	10.018.305.806	41.858.098.031	945.155.497	799.370.000	105.859.402.773
Mua trong kỳ	147.724.150	813.759.091	-	66.800.000	-	1.028.283.241
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.628.710)	(1.180.720.517)	(42.614.680)	-	(1.258.963.907)
Tại ngày 31/12/2018	52.386.197.589	10.796.436.187	40.677.377.514	969.340.817	799.370.000	105.628.722.107
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	11.288.617.416	4.594.847.241	32.694.117.644	757.785.522	710.554.417	50.045.922.240
Khấu hao trong năm	2.933.931.914	965.818.436	3.476.064.432	72.516.714	88.815.583	7.537.147.079
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.628.710)	(1.180.720.517)	(42.614.680)	-	(1.258.963.907)
Tại ngày 31/12/2018	14.222.549.330	5.525.036.967	34.989.461.559	787.687.556	799.370.000	56.324.105.412
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	40.949.856.023	5.423.458.565	9.163.980.387	187.369.975	88.815.583	55.813.480.533
Tại ngày 31/12/2018	38.163.648.259	5.271.399.220	5.687.915.955	181.653.261	-	49.304.616.695

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 3.160.581.703 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.714.871.478 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2018	2.642.410.677	824.178.109	3.466.588.786
Tại ngày 31/12/2018	2.642.410.677	824.178.109	3.466.588.786
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2018	1.416.553.698	641.114.774	2.057.668.472
Khấu hao trong năm	124.852.167	82.721.077	207.573.244
Tại ngày 31/12/2018	1.541.405.865	723.835.851	2.265.241.716
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2018	1.225.856.979	183.063.335	1.408.920.314
Tại ngày 31/12/2018	1.101.004.812	100.342.258	1.201.347.070

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.945.704.178 VND.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Regional Container Lines Public Co., Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 - Hải Phòng	46.507.745.248	46.507.745.248	41.438.862.639	41.438.862.639
VP bán vé Hãng hàng không Korean Air tại TP. Hà Nội	10.713.253.845	10.713.253.845	4.954.248.846	4.954.248.846
Phải trả cho các đối tượng khác	1.391.604.568	1.391.604.568	18.436.559.574	18.436.559.574
	65.507.079.790	65.507.079.790	97.991.254.821	97.991.254.821
Cộng	124.119.683.451	124.119.683.451	162.820.925.880	162.820.925.880

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	617.057.191	880.544.398	8.496.486.697	8.119.700.667	482.909.333	369.610.510
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	931.311.906	1.922.570.371	6.646.738.815	577.730.742	6.233.211.092
Thuế thu nhập cá nhân	-	586.958.008	5.781.710.731	5.975.389.984	-	780.637.261
Các loại thuế khác	-	956.574.011	10.911.362.894	10.606.241.756	-	651.452.873
Cộng	617.057.191	3.355.388.323	27.112.130.693	31.348.071.222	1.060.640.075	8.034.911.736

4.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2018	01/01/2018
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.960.713.877	3.944.713.877
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.815.500	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.172.993.164	1.087.113.888
Cộng	8.162.522.541	5.031.827.765

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Châu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	213.428.394.652	213.428.394.652	683.797.256.730	699.295.233.965	228.926.371.887	228.926.371.887
Trái phiếu thường	-	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	435.408.000	435.408.000	435.408.000
Cộng	213.428.394.652	213.428.394.652	683.797.256.730	779.730.641.965	309.361.779.887	309.361.779.887

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

Ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	Tại ngày
			31/12/2018	01/01/2018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,8%/năm	136.221.095.147	87.699.166.745 (a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7,3% - 8%/năm	32.759.461.368	24.518.475.400 (b)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	7,75%/năm	25.075.412.586	- (c)
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	VND	7,5%/năm	9.883.864.558	54.351.683.278 (d)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	8%/năm	9.488.560.993	14.957.027.721 (e)
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,5% - 9%/năm	-	39.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh	VND	9,5%/năm	-	8.162.514.743
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	8,5%/năm	-	237.504.000
Trái phiếu thường	VND	8,575%/năm	-	80.000.000.000
Cộng			213.428.394.652	308.926.371.887

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thông tin về các tài sản đảm bảo, cầm cố thế chấp cho các khoản vay trên như sau:

- (a) Khoản vay được bảo đảm bằng:
 - Hợp đồng tiền gửi số 163/2017/HĐTG.TX và 506/2017/HĐTG.TX với tổng giá trị là 21.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2.
 - Tài sản cố định là một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.160.581.703 VND – Xem thêm mục 4.7.
- (b) Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi số 0975000004676, 0975000005196 và 0975000017086 của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 12.000.000.000 VND và tài khoản tiền gửi số 0015001620921 và 0015001624015 của Công ty TNHH Giao nhận Vận Tải Hà Thành tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 6.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.1 và mục 4.2.
- (c) Khoản vay được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi số 215000103683, 211000105524, 217000107768 và 210000118060 của Công ty TNHH Giao nhận Vận Tải Hà Thành tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Xem thêm mục 4.2.
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Số tiết kiệm số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 của ông Nguyễn Xuân Giang – Tổng Giám Đốc Công ty với mệnh giá lần lượt là 90.000 USD (tương đương 2.010.870.000 VND) và 2.500.000.000 VND – Xem thêm mục 7.
 - Tài khoản tiết kiệm số 999994760017, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.000.000.000 VND
 - Tài khoản tiết kiệm số 999994760018, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 2.600.000.000 VND
 - Hợp đồng tiền gửi số 03/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 1.500.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 04/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 2.300.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 05/2017/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 01 tháng, giá trị 145.000 USD;
 - Hợp đồng tiền gửi số 06/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.200.000.000 VND;
 - Hợp đồng tiền gửi số 07/2018/HĐTG-LPBHP-VNT, kỳ hạn 03 tháng, giá trị 1.800.000.000 VND.
- (e) Khoản vay được đảm bảo bằng số tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng, số tiền 86.700 USD của ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch HĐQT Công ty – Xem thêm mục 7.

4.13. Trái phiếu chuyển đổi

- Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu năm:
 - + Trái phiếu chuyển đổi của Công ty phát hành tại ngày 26 tháng 10 năm 2016 có thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành;
 - + Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 720.000 trái phiếu;
 - + Mệnh giá: 100.000 VND;
 - + Trái phiếu phát hành cho Công ty Misui Wharf Co., Ltd có lãi suất 8%/năm; trái phiếu phát hành cho Công ty TNHH MTV SCIC có lãi suất thả nổi được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ giao động 2%; áp dụng trong kỳ kế toán này là 8,575%/năm;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- + Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi là: 8,7%/năm;
- + Giá trị phần nợ gốc tại thời điểm đầu năm là 71.414.473.044 VND và phần quyền chọn cổ phiếu là 585.526.956 VND;
- Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:
 - + Số lượng trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ: 720.000;
 - + Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ để chuyển đổi trái phiếu: 2.937.600;
 - + Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu: 71.414.473.044 VND.

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2017	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	45.208.099.204	133.208.618.078
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	28.125.594.447	28.125.594.447
Tặng khác	-	-	-	-	2.184.999.112	2.184.999.112
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(3.858.777.783)	(3.858.777.783)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.529.890.000)	(8.529.890.000)
Tại ngày 01/01/2018	85.852.900.000	2.379.300.000	585.526.956	(817.208.082)	63.130.024.980	151.130.543.854
Tăng vốn trong năm nay (*)	33.637.150.000	43.165.094.511	(585.526.956)	-	-	76.216.717.555
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	8.226.267.940	8.226.267.940
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	(568.874.522)	(568.874.522)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.434.007.500)	(13.434.007.500)
Tại ngày 31/12/2018	119.490.050.000	45.544.394.511	-	(817.208.082)	57.353.410.898	221.570.647.327

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017 ngày 15 tháng 04 năm 2017 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 426.115 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu, tương đương tổng giá trị phát hành là 4.261.150.000 đồng. Vào ngày 06 tháng 02 năm 2018, Công ty đã nhận được Công văn số 937/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty. Nguồn vốn tăng thêm này được sử dụng vào việc tăng vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nghi quyết Hội đồng quản trị số 06/2018/HĐQT ngày 25 tháng 10 năm 2018 đã thông qua việc chuyển đổi 720.000 trái phiếu chuyển đổi (trương đương với 72.000.000.000 VND) thành 2.937.600 cổ phiếu. Vào ngày 05 tháng 01 năm 2019, Công ty đã nhận được Thông báo số 19/TB-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo chấp nhận niêm yết bổ sung số cổ phiếu trên từ ngày 11 tháng 01 năm 2019.

4.14.2.Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.949.005	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.949.005	8.585.290
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.893.605	8.529.890

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.3.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	8.226.267.940	28.125.594.447
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.233.940.191)	(4.218.839.167)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.992.327.749	23.906.755.280
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	9.460.213	8.529.890
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	739	2.803

4.14.4.Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	8.226.267.940	28.125.594.447
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.233.940.191)	(4.218.839.167)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.992.327.749	23.906.755.280
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	9.460.213	8.529.890
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	426.115
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	9.460.213	8.956.005
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	739	2.669

4.14.5.Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã trả trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	1.500	1.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.14.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2018	9.400.293.842	9.000.000.000
Trích trong năm	-	1.000.000.000
Tại ngày 31/12/2018	9.400.293.842	10.000.000.000

4.14.7. Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

<u>Số thứ tự</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Thông tin</u>
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại Thương
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
4	Số lượng cổ phiếu chào bán	426.115
5	Giá trị chào bán	4.261.150.000
6	Hình thức chào bán	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
7	Ngày bắt đầu chào bán	Ngày 17 tháng 01 năm 2018
8	Ngày hoàn thành đợt chào bán	Ngày 30 tháng 01 năm 2018
9	Tổng số cổ phiếu đã bán	426.115

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu	426.115
Giá bán (VND/cổ phiếu)	10.000 đồng/cổ phiếu
Thành tiền (VND)	4.261.150.000

Phương án sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu trên để bổ sung vốn lưu động.

4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	778.505,86	181.981,94
EUR	599,46	1.463,99
SGD	680,86	680,86
JPY	33.000,00	33.000,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cước vận chuyển hàng không	548.888.569.098	464.197.272.125
Cước vận chuyển đường biển	168.870.452.985	200.782.619.752
Doanh thu dịch vụ khác	309.891.386.229	233.292.837.062
Cộng	1.027.650.408.312	898.272.728.939

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	55.201.885.785	59.216.373.772
Chi phí công cụ, dụng cụ	532.210.529	370.850.557
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.578.547.414	7.101.536.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	887.918.249.488	781.417.016.567
Chi phí bằng tiền khác	19.394.399.529	19.575.126.167
Cộng	969.625.292.745	867.680.903.348

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	845.810.000	1.108.310.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.862.173.721	2.433.582.702
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.122.468.024	1.256.137.636
Lãi bán các khoản đầu tư tài chính	-	64.350.000.000
Cộng	7.830.451.745	69.148.030.338

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	23.855.992.541	22.912.476.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.531.071.918	971.830.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	238.663.034	99.871.615
Cộng	25.625.727.493	23.984.177.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.647.254.803	12.664.033.597
Chi phí khấu hao	1.166.172.909	1.203.736.727
Chi phí dự phòng	166.316.513	978.270.704
Chi phí bằng tiền khác	17.464.942.643	25.760.383.668
Cộng	30.444.686.868	40.606.424.696

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân công	66.849.140.588	71.880.407.369
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.744.720.323	8.305.273.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	887.918.249.488	781.417.016.567
Dự phòng phải thu khó đòi	166.316.513	978.270.704
Chi phí khác bằng tiền	37.391.552.700	45.706.360.392
Cộng	1.000.069.979.612	908.287.328.044

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	10.140.406.990	35.533.388.755
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	6.624.243.116	1.322.844.209
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	180.396.559	301.104.075
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia)	(7.457.742.418)	(2.431.154.209)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	9.487.304.247	34.726.182.830
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.897.460.849	6.945.236.566
Thuế TNDN bị truy thu của các năm trước	16.678.201	462.557.742
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.914.139.050	7.407.794.308

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	72.000.000.000	-

6.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	683.797.256.730	539.931.308.905
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	80.000.000.000
Cộng	683.797.256.730	619.931.308.905

6.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(699.730.641.965)	445.398.341.164
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	(80.000.000.000)	-
Cộng	(779.730.641.965)	445.398.341.164

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội;
- Hải Phòng.

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Đơn vị: Ngàn đồng Tổng cộng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	952.490.870	820.784.765	75.159.538	77.487.964	-	-	1.027.650.408	898.272.729
Giữa các bộ phận	62.935.947	44.333.716	14.527.823	19.649.828	(77.463.770)	(63.983.544)	-	-
Cộng	1.015.426.817	865.118.481	89.687.361	97.137.792	(77.463.770)	(63.983.544)	1.027.650.408	898.272.729

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	26.340.287	(2.166.295)	1.240.141	(7.848.304)	-	-	27.580.428	(10.014.599)
Doanh thu tài chính	5.999.999	68.211.859	1.818.142	936.171	-	-	7.818.141	69.148.030
Chi phí tài chính	(19.277.432)	(19.736.519)	(6.348.295)	(4.247.659)	-	-	(25.625.727)	(23.984.178)
Lợi nhuận khác	314.912	305.400	52.653	78.736	-	-	367.565	384.136
Lợi nhuận trước thuế Thuế TNDN	13.377.766	46.614.445	(3.237.359)	(11.081.056)	-	-	10.140.407	35.533.389
							(1.914.139)	(7.407.795)
Lợi nhuận sau thuế							8.226.268	28.125.594

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đơn vị: Ngàn đồng

Các thông tin khác

	Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Tài sản của bộ phận	740.704.847	630.113.530	127.402.727	170.708.252	(294.311.100)	(88.675.210)	573.796.474	712.146.571
Nợ phải trả của bộ phận	519.134.200	478.982.987	127.402.727	170.708.251	(294.311.100)	(88.675.210)	352.225.827	561.016.028
Chi phí mua sắm tài sản trong năm	1.028.283	170.249	-	1.263.471	-	-	1.028.283	1.433.720
Chi phí khấu hao trong năm	781.944	825.598	6.962.776	7.479.675	-	-	7.744.720	8.305.273

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Tập đoàn chỉ hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển và logistics, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tạm ứng:		
Ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị	198.380.000	887.980.024
Ông Trần Công Thành – Tổng Giám đốc	141.554.550	147.338.950
Cộng – Xem thêm mục 4.5	339.934.550	1.035.318.974

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, ông Nguyễn Xuân Giang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã dùng sổ tiết kiệm của mình số 478600 ngày 15 tháng 01 năm 2015 và số 502805 ngày 10 tháng 06 năm 2015 với giá trị lần lượt là 90.000 USD (tương đương 2.010.870.000 VND) và 2.500.000.000 VND để bảo đảm một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – CN Hải Phòng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 60 tỷ VND – Xem thêm mục 4.12.

Ngoài ra, ông Nguyễn Xuân Giang cũng đã dùng Sổ tiết kiệm số 230940469 kỳ hạn 1 tháng với số tiền 86.700 USD để đảm bảo một phần cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – CN Duyên Hải với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 15 tỷ VND – Xem thêm mục 4.12.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Tập đoàn được chi tiết như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	1.599.977.780	1.476.666.672

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT TẬP ĐOÀN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	-	347.033.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Công Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Đỗ Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng